

Bản án số: 83/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 29-12-2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bình và bà Trịnh Thị Yên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yên Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 29/12/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 209/2023/TLST - HNGĐ ngày 19/10/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 28/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1986 - Địa chỉ: Thôn G, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn T1 - Sinh năm 1981 - Địa chỉ cư trú cuối cùng: Thôn E, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/10/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là xã N), huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 17/9/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường ở thôn E, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và sinh được cháu Nguyễn Hoàng Gia B. Sau khi sinh con được một thời gian ngắn thì đến khoảng tháng 9/2008, không biết vì lý do gì, anh T1 đã tự bỏ đi biệt tích cho đến nay. Chị đã nhiều lần đến nhà bố mẹ đẻ của anh T1 hỏi thăm về tin tức của anh T1 nhưng bố anh T1 đã chết còn mẹ đẻ có hộ khẩu tại xã N nhưng bà cũng không có mặt tại gia đình. Chị đã nhiều lần hỏi thăm hai bên gia đình nội ngoại, bạn bè, hàng xóm về tin tức của anh T1 nhưng không ai biết anh T1 đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Ngày 25/4/2023, chị có làm đơn yêu cầu Tòa án ND huyện Nga Sơn tuyên bố anh Lê Văn T1 mất tích. Ngày 22/9/2023, Tòa án ND huyện Nga Sơn đã ra quyết định tuyên bố anh T1 mất tích tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2023/QĐST-DS. Nay quyết định đó đã có hiệu lực, chị yêu cầu được ly hôn anh T1 theo quy định pháp luật.

Về con: Chị và anh **T1** có 01 con chung là **Nguyễn Hoàng Gia B**, sinh ngày 06/8/2008. Hiện tại cháu đang ở với chị. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh **T1** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị và anh **T1** không có tài sản chung và nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh **T1** không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Vụ án có liên quan đến người chưa thành niên nên Tòa án tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 208 BLTTDS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; bị đơn không chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị T**, cho chị **T** được ly hôn anh **Lê Văn T1**. Về con: Giao cháu **Nguyễn Hoàng Gia B** - Sinh ngày 06/8/2008 cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng, anh **T1** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về án phí: Chị **T** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị **Nguyễn Thị T** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh **Lê Văn T1**. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Anh **Lê Văn T1** đã bị tuyên bố mất tích. Tòa án đã làm các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Ngày 14/12/2023, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh **T1** vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, chị **T** vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, còn anh **T1** vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử lần hai - vắng mặt cả chị **T** và anh **T1**.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn T1 kết hôn ngày 17/9/2007, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không cản trở, cưới có đăng ký kết hôn, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống bình thường và sinh được 01 người con. Đến tháng 9/2008, anh T1 bỏ gia đình và địa phương đi đâu, làm gì chị T và gia đình không biết. Chị T đã tìm kiếm nhiều nơi nhưng không biết tin tức gì về anh T1. Chị T đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn tuyên bố anh T1 mất tích. Ngày 22/9/2023, Tòa án ND huyện Nga Sơn ra quyết định số 05/2023/QĐST-DS tuyên bố anh T1 mất tích theo quy định. Nay quyết định đã có hiệu lực, chị T yêu cầu ly hôn anh T1.

Tại biên bản xác minh ngày 23/10/2023, đại diện thôn E, xã N cho biết: Từ năm 2015 đến nay, ông làm trưởng thôn nhưng không thấy anh T1 có mặt tại địa phương, chị T đã về bên ngoại sinh sống; vợ chồng có 01 con chung đang ở với chị T. HĐXX xét thấy, cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh T1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị T và anh T1 01 con chung là Nguyễn Hoàng Gia B - Sinh ngày 06/8/2008, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. HĐXX thấy, từ khi anh T1 bỏ đi khỏi địa phương đến nay cháu B ở với chị T, mặt khác, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ, nên xử giao cháu B cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về mức cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên miễn xét

[4] Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 68 BLDS. Khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn anh Lê Văn T1.

2. Về con: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia B - Sinh ngày 06/8/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T1 có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST mà chị

đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2021/0016630 ngày 19/10/2023 của Chi cục THADS huyện N; chị T đã nộp đủ án phí DSST.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh T1 có quyền kháng bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- UBND xã Nga Phương, huyện Nga Sơn;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Thủy

